

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24-4-2020

V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn, tranh chấp
QSDĐ và yêu cầu hủy Giấy
chứng nhận QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân—Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/HNGĐ - PT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 15/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 06/2020/TB-TDS ngày 04 tháng 3 năm 2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 18/2020/TB-TDS ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 53/2020/TB-TDS ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải L, địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Công ty Luật P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 12/7/2019, được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Quốc Thái, thành phố Hà Nội). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thành T- Công ty Luật P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Ngô Bích T, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố C, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ hiện nay: Đường N, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Khu D, phường Vi, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền lập ngày 03/9/2019 tại Tòa án, có xác nhận của Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Khu D, phường Vi, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim N, địa chỉ: Đường H, phường Q, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Hương T, địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Ngân hàng Đ- Chi nhánh Lạng Sơn, địa chỉ: đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D- Chức vụ: Phó Giám đốc (văn bản ủy quyền số 651/QĐ-BIDV-LS, ngày 01/11/2019), Vắng mặt.

4. Văn phòng Công chứng H, địa chỉ: đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Thúy D- Chức vụ: Trưởng Văn phòng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: Khu D, phường Vi, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Tô Thị Hòa B và bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: tòa nhà S, đường P, khu đô thị Mĩ, quận N, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Chị Đào Thị Thanh T, địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Ngô Bích T là bị đơn; bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T kết hôn với nhau năm 2013. Năm 2015, anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2015/QĐST-HNGD

ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Khi giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Ngày 01 tháng 12 năm 2015 anh Nguyễn Hải L khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn.

Theo anh Nguyễn Hải L trình bày: Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T có nhận chuyển nhượng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng H (Công ty H) thửa đất số 306 tại ô số 07, lô NV.01, diện tích 232,5 m², thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, khu đô thị P, phường H, thành phố L với giá 706.800.000 đồng (gọi tắt là: Thửa đất số 306). Nguồn gốc tiền để mua đất do tích góp của hai vợ chồng trong quá trình chung sống và sự hỗ trợ của hai bên gia đình; cụ thể bà Nguyễn Thị Kim N là mẹ đẻ đã cho 300.000.000 đồng để mua đất. Do tính chất công việc thường xuyên vắng nhà nên anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T đã bàn bạc thống nhất để chị Ngô Bích T một mình đứng ra giao dịch chuyển nhượng và làm thủ tục đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ). Nên anh Nguyễn Hải L xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, được mua bán trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, anh Nguyễn Hải L yêu cầu chia đôi thửa đất 306.

Bị đơn chị Ngô Bích T trình bày: Về thời gian chung sống và ly hôn đúng như anh Nguyễn Hải L trình bày. Khi kết hôn chị Ngô Bích T đang là sinh viên năm cuối hệ liên thông trường đại học Kinh doanh công nghệ Hà Nội, còn anh Nguyễn Hải L đang công tác tại Đoàn biên phòng T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do điều kiện gia đình chồng ở xa, anh Nguyễn Hải L thường xuyên công tác vắng nhà nên sau khi kết hôn chị Ngô Bích T sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D. Thu nhập của anh L khoảng 10.000.000 đồng/tháng, trung bình mỗi tháng anh L đưa cho chị từ 03 triệu đồng đến 05 triệu đồng nhưng không đều, số tiền đó không đủ để trang trải cuộc sống cho hai mẹ con, nên mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do mẹ đẻ chị chi trả. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ngô Bích T và anh Nguyễn Hải L không tạo dựng được tài sản chung.

Đối với thửa đất số 306 tại ô số 07, lô NV.01, diện tích 232,5 m², thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, khu đô thị P, phường H, thành phố L, đã được cấp GCNQSDĐ ngày 30/3/2015 mang tên Ngô Bích T là tài sản của mẹ đẻ chị Ngô Bích T (bà Nguyễn Thị D). Vì mọi thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ đều do bà Nguyễn Thị D thực hiện, chị Ngô Bích T ký vào giấy tờ chuyển nhượng và hồ sơ cấp GCNQSDĐ là do bà Nguyễn Thị D nhờ chị đứng tên hộ trên hợp đồng chuyển nhượng và GCNQSDĐ. Vì vậy, chị Ngô Bích T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải L chia đôi thửa đất 306.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày:

Thửa đất số 306 là do bà Nguyễn Thị D mua của Công ty H với giá 1.450.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi theo giá Nhà nước là 706.800.000 đồng. Tiền mua đất là tiền của bà Nguyễn Thị D rút từ Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Lạng Sơn vào ngày 03/02/2015. Người đứng tên trên hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên đều là chị Ngô Bích T; vì

bà Nguyễn Thị D làm nghề kinh doanh bất động sản, đã đứng tên trên nhiều thửa đất và thường hay vắng nhà nên đã nhờ con gái là chị Ngô Bích T đứng tên để thuận tiện cho việc làm thủ tục chuyển nhượng cho khách. Ngày 01/4/2015 bà Nguyễn Thị D và chị Ngô Bích Thùy có lập biên bản thỏa thuận việc đứng tên hộ, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn H. Thực tế anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T không có đóng góp gì trong việc nhận chuyển nhượng thửa đất 306, nhưng về mặt pháp lý chị Ngô Bích T đã được Nhà nước công nhận quyền quản lý sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đó. Do không hiểu biết nên bà Nguyễn Thị D đã nhờ con gái đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng khi con đã kết hôn. Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà đối với thửa đất số 306.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: anh Nguyễn Hải L là con trai bà, đầu năm 2015 anh Nguyễn Hải L có nói với bà về việc vợ chồng anh Nguyễn Hải L có dự định mua 01 mảnh đất tại thành phố Lạng Sơn để ra ở riêng nhưng mới chỉ tích góp được một phần tiền, cần sự hỗ trợ của gia đình. Vào khoảng tháng 01/2015, khi anh Nguyễn Hải L về Sơn Tây bà đã đưa cho anh Nguyễn Hải L 300.000.000 đồng để mua đất. Vì là mẹ con nên bà và anh Nguyễn Hải L không lập văn bản giao nhận số tiền trên. Đến khoảng tháng 4/2015 anh Nguyễn Hải L thông báo cho bà biết vợ chồng anh đã mua được 01 thửa đất tại khu đô thị P, phường H, thành phố L. Sau đó, vợ chồng Nguyễn Hải L có nhiều mâu thuẫn, đến tháng 11/2015 thì vợ chồng anh Nguyễn Hải L chính thức ly hôn. Nay bà Nguyễn Thị Kim N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia đôi khối tài sản chung là thửa đất nói trên cho anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T theo quy định pháp luật và giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại Bản án số 15/2019/HNSĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 29; Điều 33; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 166 Luật Đất đai 2013. Điều 217, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 280; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 4, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định tài sản chung của anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T là thửa đất số 306 thuộc ô số 7, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 232,5 m² tại địa chỉ: Khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp: CH. 02592 ngày 30/3/2015 mang tên chị Ngô Bích T. Trị giá tài là 2.673.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng). Hiện nay thửa đất đã được chuyển nhượng cho chị Bùi Hương T và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngày 07/6/2017 trong phần "Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận", được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp: CH. 02592 ngày 30/3/2015.

2. Chia tài sản chung bằng tiền như sau: Anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ số tiền 2.673.000.000 đồng là tiền do bán thửa đất 306, cụ thể mỗi người hưởng 1.336.500.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này hiện nay bà Nguyễn Thị D đang quản lý.

3. Buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người 1.336.500.000 đồng tiền bán thửa đất số 306 (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc đòi quyền sử dụng đòi với thửa đất số 306.

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hải L về việc hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Ngô Bích T và chị Bùi Hương T.

6. Về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo:

6.1. Về chi phí tố tụng:

- Anh Nguyễn Hải L phải chịu 1.080.000 đồng, chị Ngô Bích T phải chịu 1.620.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản lần 1. Xác nhận anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T đã nộp và thanh toán xong.

- Anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người phải chịu 1.350.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản lần 2. Xác nhận anh Nguyễn Hải L đã tạm ứng trước, chị Ngô Bích T phải thanh toán lại cho anh Nguyễn Hải L 1.350.000 đồng.

6.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hải L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận. Xác nhận bà Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hải L đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/000 1902 ngày 20/8/2019 và biên lai thu số AA/2015/000 1902 ngày 16/12/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn; anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người phải chịu 52.095.000 đồng (năm mươi hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự về chia tài sản chung có giá ngạch sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Nguyễn Hải L đã nộp 41.000.000 đồng tại biên lai thu số AA/2012/00838 ngày 16/12/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Lạng Sơn; anh Nguyễn Hải L phải nộp tiếp số tiền 11.095.000 đồng (mười một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 12 năm 2019 bị đơn chị Ngô Bích T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hải L về việc chia đôi thửa đất số 306 thuộc ô số 7, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 232,5 m² tại địa chỉ khu đô thị P, phường H, thành phố L. Ngày 04 tháng 12 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét công nhận quyền sử dụng thửa đất 306 cho bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Ngô Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hải L đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo chị Ngô Bích T, Nguyễn Thị D làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Nội dung kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 306 cho anh Long, công nhận quyền sử dụng thửa đất số 306 cho bà Dung.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, ngày 10/02/2015 chị Ngô Bích T ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 306 với Công ty Hoàng Dương với giá 706.000.000 đồng, tại Văn phòng Công chứng Ấn Vượng. Khi giao dịch, chị Ngô Bích T là người trực tiếp ký hợp đồng, nộp tiền mua tài sản, thể hiện trên Hóa đơn nộp tiền ngày 10/02/2015 cho Công ty Hoàng Dương. Sau khi nhận chuyển nhượng, chị Thùy trực tiếp làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 30/3/2015 mang tên chị Ngô Bích T. Thời điểm chị Thùy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quan hệ hôn nhân của chị Thùy và anh Long còn tồn tại, do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thửa đất số 306 được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Bích T thừa nhận khi kết hôn với anh Nguyễn Hải L, chị vẫn đang đi học, chưa có việc làm. Cuối năm 2014, chị T mới mở cửa hàng bán túi xách, nhưng việc buôn bán thua lỗ, không có thu nhập nên chị T phải đóng cửa hàng. Bà Nguyễn Thị D cũng xác định không hỗ trợ chị T và anh L tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn anh L có thu nhập ổn định từ tiền lương 15.000.000đ/tháng nên anh L có đóng góp lớn hơn vào việc hình thành khối tài sản chung vợ chồng. Bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 306 là tài sản chung và chia tài sản chung là có cơ sở. Chị T và bà D kháng cáo không đồng ý chia tài sản cho anh L và công nhận thửa đất số 306 của bà D là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nội dung phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim N, bà Bùi Hương T, Ngân hàng Đ – Chi nhánh Lạng Sơn, Văn phòng công chứng H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Xét thấy, việc vắng mặt

của các đương sự có tên trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] Về nguồn gốc đất: ngày 10/02/2015 chị Ngô Bích T ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 306 tại ô số 07, lô NV.01, diện tích 232,5 m², thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, khu đô thị P, phường H, thành phố L với Công ty H, giá trị chuyển nhượng của thửa đất là 706.000.000 đồng. Do anh Nguyễn Hải L là bộ đội Biên phòng, thường xuyên công tác xa nhà nên toàn bộ việc giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các thủ tục kê khai, đăng ký đều do chị Ngô Bích T thực hiện. Sau khi nhận chuyển nhượng, chị T trực tiếp làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ, số vào sổ cấp GCN: CH 02592 ngày 30/3/2015 mang tên chị Ngô Bích T. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T được xác lập từ ngày 08/8/2013 đến ngày 27/11/2015 thì chấm dứt theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa sơ thẩm xác định diện tích 232,5m² đất thuộc thửa số 306 là tài sản chung vợ chồng được có trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Bích T thừa nhận khi kết hôn với anh Nguyễn Hải L, chị vẫn đang đi học, chưa có việc làm. Thời gian vợ chồng chung sống, thu nhập chính của gia đình là từ tiền lương của anh Long. Cuối năm 2014, chị T mới mở cửa hàng bán túi xách, nhưng việc buôn bán thua lỗ, không có thu nhập nên chị T đã phải đóng cửa hàng. Điều đó cho thấy anh Nguyễn Hải L là lao động chính, có đóng góp lớn hơn vào việc hình thành khối tài sản chung của vợ chồng.

[4] Xét nội dung kháng cáo của chị Ngô Bích T không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hải L về việc chia ½ giá trị thửa đất số 306 thuộc ô số 7, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 232,5m² tại địa chỉ Khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, xét thấy:

[5] Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 02/2017/HNGĐ-PT ngày 10/01/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định bà Nguyễn Thị D có quyền sử dụng thửa đất số 306. Sau khi có bản án phúc thẩm, ngày 02/6/2017 bà Nguyễn Thị D đã lập văn bản Công chứng giao cho chị Ngô Bích T định đoạt thửa đất, cùng ngày 02/6/2017, chị Ngô Bích T đã ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho chị Bùi Hương T với số tiền 2.673.000.000, việc định đoạt, chuyển nhượng thửa đất 306, giữa bà Nguyễn Thị D, chị Ngô Bích T và chị Bùi Hương T đều không có lỗi. Sau khi nhận chuyển nhượng, chị Bùi Hương T đã đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thay đổi người sử dụng đất. Hiện nay GCNQSDĐ thửa số 306 mang tên chị Bùi Hương T và đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Lạng Sơn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, Tòa sơ thẩm chia trị giá quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T theo tỷ lệ ½ giá trị số tiền chuyển nhượng 2.673.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật, anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người được hưởng 1.336.500.000 đồng.

[6] Đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị D: Công nhận quyền sử dụng thửa đất số 306 thuộc ô số 7, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 232,5m² tại địa chỉ Khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho bà Nguyễn Thị D, xét thấy:

[7] Bà Nguyễn Thị D cho rằng thửa đất số 306 là do bà Nguyễn Thị D mua của Công ty H với giá 1.450.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi theo giá Nhà nước là 706.800.000 đồng. Tiền mua đất là tiền riêng của bà Nguyễn Thị D rút từ Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Lạng Sơn vào ngày 03/02/2015 để sáng ngày 04/02/2015 bà mang tiền mặt trả trực tiếp cho công ty H. Sau khi nhận đủ tiền, hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Ấn Vượng. Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giá chuyển nhượng QSDĐ số tiền 1.450.000.000 đồng bà Nguyễn Thị D rút tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương Lạng Sơn ngày 03/2/2015 được dùng để thanh toán cho Công ty H để nhận chuyển nhượng thửa đất 306.

[8] Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2016 và các lời khai sau này chị Ngô Bích T trình bày: Vì là mẹ con trong cùng gia đình nên chị nghĩ ai đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng và GCNQSDĐ cũng được. Vì vậy, chị Ngô Bích T và bà Nguyễn Thị D không lập biên bản thể hiện việc bà Nguyễn Thị D nhờ chị Ngô Bích T đứng tên hộ trong hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận này được lập sau khi chị Ngô Bích T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[9] Chị Ngô Bích T và bà Nguyễn Thị D đã cung cấp 01 “Giấy thỏa thuận đứng tên tài sản” ghi ngày 01/04/2015 và “Biên bản thỏa thuận nhờ đứng tên hộ chủ sở hữu thửa đất” ghi ngày 10/2/2015 và 01 phiếu sao kê tài khoản chi tiết ghi ngày 03/2/2015 thể hiện bà Nguyễn Thị D có rút số tiền 1.500.000.000 đồng tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương Lạng Sơn. Tại các biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2016 của những người làm chứng là bà Tô Thị Hòa B, chị Đào Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị M đều xác nhận nội dung: “Biên bản thỏa thuận nhờ đứng tên hộ chủ sở hữu thửa đất” được lập sau khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng ngày 10/2/2015 nhưng vẫn được ghi ngày 10/2/2015 để hợp thức hóa về mặt thời gian. Tại bản tự khai ngày 02/3/2016, chị Ngô Bích T khẳng định không lập biên bản nào đối với việc nhờ đứng tên trên hợp đồng mua bán và GCNQSDĐ. Xét thấy, các chứng cứ nêu trên mâu thuẫn với lời khai của những người liên quan, nên không có giá trị pháp lý.

Do vậy, yêu cầu của bà D đề nghị công nhận quyền sử dụng của bà D đối với thửa đất số 306 là không có căn cứ pháp luật.

[10] Từ những phân tích trên, thấy rằng quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật vì vậy cần bác toàn bộ kháng cáo của chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Nhận định trên cũng phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[11] Về án phí phúc thẩm: chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không được chấp nhận, do đó chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm về án phí ly hôn sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 29; Điều 33; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 166 Luật Đất đai 2013. Điều 217, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 280; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 4, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định tài sản chung của anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T là thửa đất số 306 thuộc ô số 7, tờ bản đồ địa chính số 9, diện tích 232,5 m² tại địa chỉ: Khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp: CH. 02592 ngày 30/3/2015 mang tên chị Ngô Bích T. Trị giá tài là 2.673.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng). Hiện nay thửa đất đã được chuyển nhượng cho chị Bùi Hương T và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngày 07/6/2017 trong phần "Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận", được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp: CH. 02592 ngày 30/3/2015.

2. Chia tài sản chung bằng tiền như sau: Anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người được hưởng 1/2 số tiền 2.673.000.000 đồng là tiền do bán thửa đất 306, cụ thể mỗi người hưởng 1.336.500.000 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này hiện nay bà Nguyễn Thị D đang quản lý.

3. Buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho anh Nguyễn Hải L và chị Ngô Bích T mỗi người 1.336.500.000 đồng tiền bán thửa đất số 306 (một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc đòi quyền sử dụng đối với thửa đất số 306.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Ngô Bích T, bà Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị Ngô Bích T đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002049 ngày

18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002051 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Xuân Sơn